

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tiến

2. Ông Kiều Văn Dậu

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Lụa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên

Trong ngày ngày 20/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1961 - Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1959 - Xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Ô Cách, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Bà M trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Đức C vào năm 1981. Việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Tiến. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống của ông C rất bảo thủ, gia trưởng, bất cứ việc gì sai đúng đều đổ lỗi cho bà, như việc con trai chết do tai nạn cũng đổ lỗi cho bà, vật dụng trong nhà hư hỏng cũng đổ lỗi cho bà. Từ đó, kiếm có đánh đập bà dã man. Ông C còn bắt bà lấy vợ hai cho ông thì ông sẽ không hành hạ, đánh đập nữa. Nghe lời ông C, năm 2015, bà đã tổ chức cho ông C lấy chị Nguyễn Thị Tiệp. Hai người đã sinh được 01 con trai, chị Tiệp đã về chung sống cùng ông C. Tuy nhiên, tính cách của ông C vẫn không thay đổi, kể từ khi sống với chị Tiệp, ông C vẫn chứng nào tật đó, kiếm có thường xuyên đánh đập. Bà đã ly thân và sống riêng nhà với ông C từ năm 2015. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (đã chết năm 2011). Hiện

Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L1 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề cập nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông thừa nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn như bà M khai là đúng. Theo ông, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 20/3/2018 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, không đáng kể gì. Vợ chồng sống chung trên cùng một thửa đất nhưng ở riêng nhà. Nay bà M xin ly hôn, ông không đồng ý vì tình cảm giữa ông và bà M vẫn còn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (đã chết năm 2011). Hiện Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L1 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề cập nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị HĐXX cho bà được ly hôn ông C. Về tài sản, công nợ, trích chia công sức ông bà đã tự phân chia, không yêu cầu giải quyết.

Ông C xin xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành tốt theo quy định của BLTTHS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị M, cho bà M được ly hôn ông C. Về con chung, tài sản chung và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông C do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị M kết hôn với ông Nguyễn Đức C vào năm 1981, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn và lời khai của bà M thì thấy: Mâu thuẫn giữa bà M và ông C đã lâu và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung của hai người. Kết quả xác minh tại địa phương thể Ông C đã nhiều lần đánh đập, chửi bới bà M, chính quyền và bà con trong thôn đã can ngăn, hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của hai người vẫn không được cải thiện. Hiện ông C đang chung sống với chị Nguyễn Thị Tien, ông C và chị Tien đã sinh được 01 con trai. Mặt khác, ông C không đồng ý ly hôn, nhưng ông lại không tham gia các phiên tiếp cận chứng cứ, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành để thể hiện thiện chí và đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống cùng nhau.

Từ phân tích và nhận định trên, xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (đã chết năm 2011). Hiện Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L1 đã trưởng thành, có gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông C, HĐXX không xem xét do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Buộc bà M phải chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị M. Cho bà M được ly hôn ông Nguyễn Đức C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (đã chết năm 2011). Hiện Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L1 đã trưởng thành, có gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông C do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc bà M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà M đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003802 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Bà M được khấu trừ vào tiền án phí mà bà phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

